Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8513.10.90

Mã HS	8513.10.90
Mô tả hàng hóa	Đèn điện xách tay được thiết kế để hoạt động bằng nguồn năng lượng riêng của nó (ví dụ, pin khô, ắc qui, magneto), trừ thiết bị chiếu sáng thuộc nhóm 85.12 / - Đèn: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 03:20:33
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85131090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15241
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15241
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15241
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-BN, TH)	0% (trừ BN, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14546
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14487
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14487
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14487
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14487
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14487
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14487
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E14541
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14541

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14541
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14541
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14541
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14541
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E14542
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F14542
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14542
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14542
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14542
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14542
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14545
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14493
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14501
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14501
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14501
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14501
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14501
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14501
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14532
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14532
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14532
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14532
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14532
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14532
VCFTA	2022	2022	5	VC!D14587
VCFTA	2023	2023	2	VC!E14587

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14587
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14587
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14587
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14587
VN-EAEU	2022	2022	5,5	EAV!D14564
VN-EAEU	2023	2023	3,6	EAV!E14564
VN-EAEU	2024	2024	1,8	EAV!F14564
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14564
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14564
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14564
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D14564
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E14564
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F14564
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G14564
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H14564
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14564
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D14579
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E14579
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F14579
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14579
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14579
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14579
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D14578
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E14578
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F14578
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14578

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14578
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14578
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14571
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14571
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14571
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14571
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14571
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14571
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14571
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D14566
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E14566
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F14566
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G14566
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H14566
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I14566
RCEP B	2022	2022	18	B!D14566
RCEP B	2023	2023	16	B!E14566
RCEP B	2024	2024	14	B!F14566
RCEP B	2025	2025	12	B!G14566
RCEP B	2026	2026	10	B!H14566
RCEP B	2027	2027	8	B!I14566
RCEP C	2022	2022	18	C!D14566
RCEP C	2023	2023	16	C!E14566
RCEP C	2024	2024	14	C!F14566
RCEP C	2025	2025	12	C!G14566
RCEP C	2026	2026	10	C!H14566

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I14566
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D14565
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E14565
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F14565
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G14565
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H14565
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I14565
RCEP E	2022	2022	18	E!D14569
RCEP E	2023	2023	16	E!E14569
RCEP E	2024	2024	14	E!F14569
RCEP E	2025	2025	12	E!G14569
RCEP E	2026	2026	10	E!H14569
RCEP E	2027	2027	8	E!I14569
RCEP F	2022	2022	18	F!D14566
RCEP F	2023	2023	16	F!E14566
RCEP F	2024	2024	14	F!F14566
RCEP F	2025	2025	12	F!G14566
RCEP F	2026	2026	10	F!H14566
RCEP F	2027	2027	8	F!I14566
VIFTA	2024	2024	18	VI!F13555
VIFTA	2025	2025	16	VI!G13555
VIFTA	2026	2026	14	VI!H13555
VIFTA	2027	2027	12	VI!I13555

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8513.10 có 2 dòng thuế; dòng 8513.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8513.10.30 Đèn gắn trên mũ thợ mỏ và đèn thợ khai thác đá	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8513.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8513.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15241), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.